TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày 12-4-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen
Ông Nguyễn Tất Thắng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST–DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1995 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 2, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Út E, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên khi bà E hỏi vay tiền, anh B đã đồng ý và thời gian, số tiền vay cụ thể như sau:

Ngày 31/01/2022, bà E vay số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 18/02/2022, bà E vay thêm số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 13/7/2022, bà E tiếp tục vay thêm 60.000.000 đồng, trong đó 55.000.000 đồng có viết giấy, 5.000.000 đồng lấy thêm sau đó không viết giấy. Ngày 25/7/2022, bà E trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng.

Ngày 01/8/2022, bà E vay thêm số tiền 50.000.000 đồng.

Khi vay các số tiền trên giữa hai bên có lập giấy vay tiền đề ngày 31/01/2022 và ngày 01/8/2022 đối với khoản vay 50.000.000 đồng. Các khoản vay còn lại thì ghi mặt sau giấy vay tiền ngày 31/01/2022 và đều có chữ ký xác nhận của bà E.

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay không cụ thể, khi nào cần thì báo trước cho bà E 01 tháng.

Như vậy, tổng số tiền bà E vay của anh B là 230.000.000 đồng, chỉ mới trả được 20.000.000 đồng. Anh B đã nhiều lần yêu cầu bà E trả số tiền vay còn nợ nhưng bà E cứ hứa hết lần này đến lần khác không chịu trả, đến khoảng giữa năm 2022 bà E đi làm ăn xa nhưng không thông báo cho anh B biết địa chỉ mới, liên lạc qua điện thoại thì bà E tắt máy không nghe. Đến khi bà E biết được anh B đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, lúc này bà E có gọi điện cho anh B hỏi các thông tin liên quan đến việc vay mượn, sau đó thì không liên lạc được nữa.

Nay anh B yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết buộc bà E phải trả đủ một lần số tiền vay gốc còn nợ là 210.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/10/2022 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, anh B không yêu cầu gì khác.

Đối với ý kiến phản tố của bà E, anh B không đồng ý với các nội dung sau: Giao dịch vay tiền giữa anh B và bà E đều được xác lập vào năm 2022, trước đó giữa hai bên không có giao dịch nào khác. Và không đồng ý với các biên nhận kèm theo đơn phản tố của bà E vì các biên nhận này do bà E tự lập, không có chữ ký xác nhận của anh B hay có nhân chứng nào khác. Về việc bà E cho rằng lãi suất vay giữa hai bên là 6%/tháng là không đúng và trên thực tế bà E chưa trả đồng tiền lãi nào.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 12/11/2022, bị đơn trình bày:

Bà E có vay của anh B tổng số tiền 230.000.000 đồng và được thể hiện qua các biên nhận tiền như sau: Ngày 31/01/2021, vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; ngày 18/02/2021, vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; ngày 13/7/2022, vay số tiền 60.000.000 đồng và ngày 01/8/2022, vay số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay theo biên nhận ngày 31/01/2021 và ngày 18/02/2021, bà E đã trả tiền lãi cho anh B với số tiền 145.400.000 đồng vượt quá số tiền vay gốc (có bảng kê kèm theo) nên bà không đồng ý trả nợ hai khoản vay này theo yêu cầu của anh B.

Đối với khoản vay theo biên nhận ngày 13/7/2022, bà E đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng.

Đối với khoản vay theo biên nhận ngày 01/8/2022, bà E chưa trả.

Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của anh B, bà E chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc còn nợ lại từ hai biên nhận ngày 13/7/2022 và 01/8/2022 là 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả đủ số tiền vay gốc còn nợ là 210.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 12/10/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay cùng tiền lãi phát sinh, do đó đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và bị đơn cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào tài liệu là giấy vay tiền có chữ ký bên vay là Phạm Thị Út E do nguyên đơn cung cấp cùng lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn tại đơn yêu cầu phản tố ngày 12/11/2022, có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 230.000.000 đồng; khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất vay và thời hạn vay không cụ thể, khi nào cần thì báo trước 01 tháng. Như vậy, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi được quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự, và đây là giao dịch hợp pháp vì các bên tham gia đều có năng lực trách nhiệm dân sự, hai bên hoàn toàn tự nguyện tham gia giao dịch, nội dung, hình thức cũng như mục đích giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đã ký kết.

Về thời gian xác lập giao dịch vay, Hội đồng xét xử xét thấy về ngày, tháng thì hai bên đều thống nhất với nhau, nhưng có hai giao dịch có sự mâu thuẫn về năm xác lập, tuy nhiên nguyên đơn cung cấp được giấy vay tiền ghi rõ thời gian xác lập các giao dịch là vào năm 2022, còn bị đơn đưa ra ý kiến khác nhưng không cung cấp được văn bản vay nên không có căn cứ xác định ý kiến trình bày của bị đơn là đúng. Mặt khác, ý kiến bị đơn về số tiền vay là trùng khớp với nguyên đơn đã trình bày nên có đủ cơ sở xác định các giao dịch vay số tiền 230.000.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào các ngày 31/01/2022, 18/02/2022, 13/7/2022, 01/8/2022.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc còn nợ là 210.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với hai khoản vay vào ngày 13/7/2022 và ngày 01/8/2022, bị đơn thừa nhận còn nợ là 90.000.000 đồng và đồng ý trả hai khoản vay này nên cần ghi nhận.

Đối với hai khoản vay ngày 31/01/2022 và ngày 18/02/2022, bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi theo mức lãi suất 6%/tháng với tổng số tiền 145.400.000 đồng, số tiền đã trả vượt số tiền vay gốc nhiều nên không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý với ý kiến này và bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến phản đối của mình và bảng kê của bị đơn là không đúng thực tế vì các khoản vay này phát sinh từ năm 2022, không phải năm 2021 nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc đã vay vào ngày 31/01/2022 và ngày 18/02/2022 là 120.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn nợ là 210.000.000 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự, trường hợp vay có lãi thì khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc tương ứng với thời gian vay theo lãi suất thỏa thuận và trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay thỏa thuận.

Về thời gian vay, ngày 22/8/2022 anh B có thông báo yêu cầu bà E trả số tiền vay còn nợ 210.000.000 đồng trước ngày 12/10/2022 nhưng cho đến nay bà E vẫn chưa trả. Do đó, bên vay phải trả lãi trên nợ gốc tương ứng thời gian vay (từ khi xác lập giao dịch vay mượn đến hết hạn thông báo trả nợ 12/10/2022) và trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả (từ 12/10/2022 cho đến khi trả hết nợ).

Về mức lãi suất, do hai bên thống nhất với nhau về việc vay có lãi nhưng tranh chấp với nhau về mức lãi suất nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất vay bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 12/10/2022 cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả và yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự và không vượt quá quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

210.000.000 đồng x 10%/năm x 06 tháng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) = 10.500.000 đồng.

[3.3] Đối với tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xE xét.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước về hướng giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 116, 117, 119, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Xuân B.

Buộc bị đơn Phạm Thị Út E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Xuân B số tiền vay gốc là 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Út E phải chịu 11.025.000 đồng (*Mười một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh B Phước hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 5.250.000 đồng (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) mà anh Nguyễn Xuân B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008303 ngày 14 tháng 10 năm 2022.

3. Nguyên đơn quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 12/4/2023. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh B Phước;*
- *VKSND thị xã Phước Long;*
- *Chi cục THADS thị xã Phước Long;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân